

Bản án số: 48/2020/HS-PT  
Ngày 20-7-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Thị Thúy Nga

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thanh Vũ

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:***  
Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 27/2020/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo QL do có kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại Bị hại là ông CHT đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị cáo bị kháng cáo:*** QL; Sinh ngày 06/8/1989; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm S, Phường S, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quách P và bà Thạch Thị E; Chưa có vợ và chưa con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2019 cho đến nay (có mặt)

***- Người đại diện hợp pháp của bị hại Bị hại:***

1. Ông CHA; Sinh năm 1963; Nơi cư trú: Ấp X, xã K, huyện Kh, tỉnh Sóc Trăng; Cha ruột của bị hại (có mặt)

2. Bà HTN; Sinh năm 1968; Nơi cư trú: Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Mẹ ruột của bị hại (có mặt)

3. Bà TTTK; Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Vợ của bị hại (có mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của ông CHA, bà NTN, bà TTTK có kháng cáo là ông CHT, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).*

*- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người làm chứng ông NLC*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 09/10/2019, sau khi dự đám thôi nôi con người bạn tại ấp T B, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, QL điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 83P2-xxx.xx trên tuyến tỉnh lộ 932, hướng từ ấp T B, xã PT đi xã A. Khi đến khu vực ấp TA, xã PT1, QL điều khiển xe chạy khoảng giữa lộ nhựa, đang điều khiển xe thì QL nghe phía sau có tiếng còi xe ô tô, theo quy định của pháp luật thì QL điều khiển xe về bên phải theo hướng chiều đi của mình để nhường đường cho xe ô tô phía sau, nhưng QL lại điều khiển xe sang phần đường bên trái của hướng xe đi ngược chiều nên xe của QL đã va chạm vào xe mô tô biển kiểm soát 83C1-xxx.xx do anh Bì hại đang điều khiển chạy hướng từ xã A đi PT. Tai nạn xảy ra làm cho BH bị chấn thương nặng ở vùng đầu, được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng, sau đó tiếp tục chuyển đến bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ điều trị, đến ngày 15/10/2019 thì tử vong.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 155/PY.PC09 ngày 07/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sóc Trăng, kết luận đối với bị hại Bì hại:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Trên cơ thể nạn nhân có 04 vết thương; Màng huyết sọ ở vùng đầu bên trái; Màng cứng đã được phẫu thuật; Tổ chức não phù nề; Bầm tụ máu ở bán cầu đại não bên trái.

2. Nguyên nhân tử vong: Chấn thương sọ não.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/2019/HDĐG-TCKH, ngày 19/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng kết luận: Giá trị thiệt hại đối với các bộ phận hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát 83C1-xxx.xx phải thay thế qua định giá là 5.049.000 đồng

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST, ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo QL, phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 và Điều 50 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292, 299, 333, Điều 338 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều

584; Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo QL 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

\* Ngày 01/6/2020, đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại Bị hại là ông CHT kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông CHT giữ nguyên nội dung kháng cáo là yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm ông CHT, ông CHA, bà HTN, bà TTTK thống nhất thỏa thuận yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại Bị hại, ông CHT sẽ là người đại diện nhận tiền thay và có trách nhiệm giao lại cho những người thừa kế của ông CHP tổng số tiền 182.788.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông CHT, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tư cách tham gia tố tụng của ông CHT: Giấy ủy quyền ngày 23/10/2019 (bút lục 114-115) Ông CHT là em trai của bị hại Bị hại được các ông bà: CHA (cha của bị hại), HTN (mẹ của bị hại), TTTK (vợ của bị hại đồng thời là người giám hộ của cháu Cháu CHTP) ủy quyền tham gia tố tụng giai đoạn điều tra, ngoài ra không còn văn bản ủy quyền nào khác. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông CHA, bà NTN, bà TTTK trình bày do thiếu hiểu biết nên nghĩ là giao cho ông CHT thay mặt gia đình chỉ 01 giấy ủy quyền là được, các ông, bà không rành thủ tục. Nay các ông, bà đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận cho ông CHT làm người đại diện ủy quyền cho các ông, bà trong suốt quá trình xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và đồng ý với mọi quyết định của ông CHT. Việc ông CHT kháng cáo và nội dung kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo, ông CHA, bà NTN, bà TTTK đồng ý. Do vậy, đơn kháng cáo của ông CHT là hợp lệ, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của ông CHT theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp phúc thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của ông CHA, bà HTN, bà TTTK là người đại diện hợp pháp của bị hại Bị hại; Ông CHT là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại Bị hại.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo QL như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo QL khai nhận vào khoảng 20 giờ ngày 09/10/2019, trên tuyến khu vực ấp TA, xã Phú Tân, huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị cáo QL điều khiển xe mô tô 83P2-xxx.xx đi không đúng phần đường quy định là chạy bên lề trái theo chiều đi của bị cáo nên đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 83C1-xxx.xx do ông Bị hại điều khiển đi ngược lại, hậu quả ông CHP tử vong do chấn thương sọ não. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Hành vi của bị cáo là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ, hậu quả là ông Bị hại chết do chấn thương sọ não, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo QL phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông CHT về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo QL:

Xét thấy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Như vậy, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là phù hợp với mức độ, tính chất của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông CHT là không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, là áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của ông CHT về việc yêu cầu tăng hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo QL bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông CHT là chưa đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông CHT đề nghị phần tiền bồi thường thiệt hại giao trả cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bị hại, ông chỉ là người đại diện nhận thay và sẽ có nghĩa vụ giao lại cho những người thừa kế của ông CHP sau khi nhận được tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người đại diện hợp pháp của ông CHP gồm ông CHA, bà HTN, bà TTTK đều đồng ý với đề nghị của ông CHT. Bị cáo tại Tòa cũng thống nhất bồi thường thiệt hại cho những người thừa kế của ông CHP. Xét thấy, mặc dù phần trách nhiệm dân sự nêu trên không có kháng cáo, kháng nghị, tuy nhiên đã được các bên thỏa thuận thống nhất tại tòa và việc thỏa thuận này đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên nên không cần kiến nghị hủy phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm mà cần nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm và ghi

nhận sự thỏa thuận, sửa phân trách nhiệm dân sự tuyên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại Bị hại gồm ông CHA, bà HTN, bà TTTK, cháu Cháu CHTP (sinh ngày 03/01/2020) cũng là phù hợp. Ngoài ra, cấp sơ thẩm tuyên thiếu phần lãi suất chậm trả trong quá trình thi hành án và cháu Cháu CHTP là con của bị hại sinh ngày 03/01/2020 (sau khi bị hại chết), cấp sơ thẩm xác định thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi cháu CHTP tính từ ngày bị hại chết 15/10/2019 là chưa phù hợp vì khi đó cháu CHTP chưa được sinh ra, do vậy, cấp phúc thẩm bổ sung và điều chỉnh lại cho phù hợp.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo và những người đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu.

[6] Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo của người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại Bị hại là ông CHT. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292, 299, 333, Điều 338 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/62016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử phạt: Bị cáo QL 02 (hai) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc bị cáo QL bồi thường thiệt hại cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại Bị hại gồm: ông CHA, bà HTN, bà TTTK, cháu Cháu CHTP (sinh ngày 03/01/2020) tổng số tiền 182.788.000đ (một trăm tám mươi hai triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng), trong đó: tiền viện phí

13.388.000đ (mười ba triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng), tiền mai táng phí là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), tiền bồi thường tổn thất tinh thần 89.400.000đ (tám mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng). Số tiền bồi thường thiệt hại này do ông CHT đại diện nhận.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không bồi thường số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo phải chịu tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

3.2. Buộc bị cáo QL phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bị hại Bị hại là cháu Cháu CHTP, sinh ngày 03/01/2020 mỗi tháng 745.000đ (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Cháu CHTP đủ 18 tuổi, Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 03/01/2020.

#### 4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo QL phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng); án phí dân sự sơ thẩm là 9.139.400đ (chín triệu một trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm đồng); án phí cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

#### 5. Về án phí phúc thẩm

Căn cứ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo QL và những người đại diện hợp pháp bị hại Bị hại không phải chịu.

6. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện C (02);
- VKSND huyện C (01);
- CQĐT - Công an huyện C (02);
- CQTHAHS-Công an huyện C (01)
- Chi cục THADS huyện C (01);
- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại (05).
- PKTNNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Tăng Thị Thúy Nga**

